**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu số: **01/TNDN-QDMTT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định....)*

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG**

*(Áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn)*

**[01]** Năm tài chính báo cáo[[1]](#endnote-1): Năm ....... Từ ....../....../...... đến ....../....../......

**[02]** Lần đầu[[2]](#endnote-2) **[03]** Bổ sung lần thứ[[3]](#endnote-3):…

**[04]** **Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai**[[4]](#endnote-4):................................

**[05]** Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu[[5]](#endnote-5):

**[06] Tên đại lý thuế (nếu có)**[[6]](#endnote-6):.......................................................................

**[07]** Mã số thuế:

**[08]** Hợp đồng đại lý thuế: Số..............................ngày....................................................

**[09] Đồng tiền khai Tờ khai thông tin**[[7]](#endnote-7): .........................................................

**[10] Lựa chọn đồng tiền nộp thuế[[8]](#endnote-8):**

Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam)  Đồng Việt Nam 

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Giá trị** |
| --- | --- | --- | --- |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| **A** | **Lợi nhuận tính thuế bổ sung[[9]](#endnote-9)** | **A =A1-A4** |  |
| 1 | Thu nhập ròng tại Việt Nam trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu[[10]](#endnote-10) | A1=A2-A3 |  |
| 1.1 | Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành | A2 |  |
| 1.2 | Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành | A3 |  |
| 2 | Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu[[11]](#endnote-11) | A4=A5+A8 |  |
| 2.1 | Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ | A5=A6\*A7 |  |
| *2.1.1* | *Chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số người lao động hợp lệ* | *A6* |  |
| *2.1.2* | *Tỷ lệ giảm trừ* | *A7* |  |
| 2.2 | Giá trị tiền lương được giảm trừ | A8=A9\*A10 |  |
| *2.2.1* | *Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ* | *A9* |  |
| *2.2.2* | *Tỷ lệ giảm trừ* | *A10* |  |
| **B** | **Tỷ lệ thuế bổ sung[[12]](#endnote-12)** | **B = 15%-B2** |  |
| 1 | Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam | B1 |  |
| 2 | Thuế suất thực tế | B2=B1/A1 |  |
| **C** | **Số thuế bổ sung được điều chỉnh trong năm hiện hành (nếu có)[[13]](#endnote-13)** | **C** |  |
| **D** | **Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành tại Việt Nam [[14]](#endnote-14)** | **D=A\*B+C** |  |
| **E** | **Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam (nếu có)[[15]](#endnote-15)** | **E=D\*E1** |  |
| E1 | Tỷ giá quy đổi | E1 |  |
| **G** | **Số thuế đã tạm nộp[[16]](#endnote-16)** | **G=G1+G2** |  |
| 1 | Thuế bổ sung nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này | G1 |  |
| 2 | Thuế bổ sung tạm nộp trong năm | G2 |  |
| **H** | **Số thuế bổ sung còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai thuế [[17]](#endnote-17)** | **H= D (hoặc E)-G** |  |

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.............................  Chứng chỉ hành nghề số:...... | *..., ngày....... tháng....... năm …*  **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**  *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  */Ký điện tử)* |

**PHỤ LỤC**

Mẫu số: **01A/TNDN-QDMTT** *Ban hành kèm theo Nghị định số... của Chính phủ*

**PHÂN BỔ SỐ THUẾ DOANH NGHIỆP BỔ SUNG PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH QDMTT GIỮA CÁC ĐƠN VỊ HỢP THÀNH TẠI VIỆT NAM**

*(Kèm theo Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn)*

**[01]** Năm tài chính báo cáo: Năm ....... Từ ....../....../...... đến ....../....../......

**[02]** Lần đầu **[03]** Bổ sung lần thứ:…

**[04]** **Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai**:................................

**[05]** Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:

**[06] Tên đại lý thuế (nếu có)**:.......................................................................

**[07]** Mã số thuế:

**[08]** Hợp đồng đại lý thuế: Số..............................ngày....................................................

**[09] Đồng tiền sử dụng tại Tờ khai thông tin**: .........................................................

**[10] Lựa chọn đồng tiền nộp thuế:**

Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam)  Đồng Việt Nam 

**[11] Tiêu thức phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo Quy định QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam**[[18]](#endnote-18):................................................................................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên đơn vị hợp thành | Mã số thuế được cấp tại Việt Nam | Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị hợp thành | Tỷ lệ phân bổ (%)[[19]](#endnote-19) | Số thuế TNDN bổ sung phải nộp được phân bổ[[20]](#endnote-20) |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** | x | x |  |  |

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.............................  Chứng chỉ hành nghề số:...... | *..., ngày....... tháng....... năm …*  **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**  *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  */Ký điện tử)* |

1. **Ghi chú: Hướng dẫn khai tờ khai thuế TNDN bổ sung áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn**

   Năm tài chính báo cáo là năm tài chính phải thực hiện kê khai Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi rõ năm tài chính báo cáo từ ngày đầu tiên của năm tài chính đến ngày kết thúc năm tài chính. [↑](#endnote-ref-1)
2. Đánh dấu X vào ô này nếu đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu lần đầu cho năm tài chính báo cáo (mà chưa khai bổ sung). [↑](#endnote-ref-2)
3. Khai lần khai bổ sung thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cho năm tài chính báo cáo. [↑](#endnote-ref-3)
4. Điền tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương). [↑](#endnote-ref-4)
5. Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cấp theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. [↑](#endnote-ref-5)
6. Tại chỉ tiêu [6], [7] và [8]: Ghi tên đại lý thuế, mã số thuế đại lý thuế, thông tin hợp đồng đại lý thuế trong trường hợp khai thuế qua đại lý thuế. [↑](#endnote-ref-6)
7. Điền loại đồng tiền được sử dụng để khai thông tin tại Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. [↑](#endnote-ref-7)
8. Đánh dấu X trước ô loại đồng tiền được lựa chọn để khai Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung. Trường hợp số thuế bổ sung phải nộp trên Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được trình bày bằng đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao (đồng ngoại tệ) mà đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn kê khai và nộp thuế bằng Việt Nam đồng thì tỷ giá quy đổi là tỷ giá trung bình tháng 12 năm tài chính xem xét. [↑](#endnote-ref-8)
9. Kê khai lợi nhuận tính thuế bổ sung của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam, được xác định theo công thức:[A] =[A1] – [A4]

   Lợi nhuận tính thuế bổ sung là kết quả của của chỉ tiêu số *3. Lợi nhuận tính thuế bổ sung, Mục 3.6 - Tính toán thuế bổ sung, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.* [↑](#endnote-ref-9)
10. Kê khai Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam được xác định theo công thức:

    [A1] = [A2] – [A3]

    Trong đó:

    + [A2]: Tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam phát sinh thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

    + [A3]: Tổng lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam phát sinh lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. [A3] được trình bày dưới dạng giá trị tuyệt đối của tổng các khoản lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam.

    Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam là kết quả của của chỉ tiêu số *2. Thu nhập hoặc Lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Mục 3.4 – Xác định thuế suất thức tế, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.* [↑](#endnote-ref-10)
11. Kê khai tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, được xác định theo công thức: [A4] = [A5] + [A8]

    Trong đó: [A5] = [A6] \* [A7]

    [A8] = [A9] \* [A10]

    Các chỉ tiêu từ [A4] đến [A10] tương ứng với các chỉ tiêu từ 2 đến 4, *Mục 3.1.2.1 - Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT*. [↑](#endnote-ref-11)
12. Kê khai tỷ lệ thuế bổ sung (%) tại Việt Nam, được xác định theo công thức:

    [B] = 15% - [B2]

    Trong đó, [B2] là thuế suất thực tế (%) tại Việt Nam, được xác định theo công thức:

    [B2] = [B1]/[A1]

    + [B1]: Kê khai Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam. Đây là kết quả của chỉ tiêu số *3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh, Mục 3.2.1 - Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.* [↑](#endnote-ref-12)
13. Kê khai tổng số thuế bổ sung được điều chỉnh trong năm hiện hành. Đây là kết quả tương ứng với *Mục 3.5 - Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành, Tờ khai thông tin mẫu số 01/TKTT-QDMTT.* [↑](#endnote-ref-13)
14. Kê khai tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành tại Việt Nam, được xác định theo công thức: [D] = [A] \* [B] + [C] [↑](#endnote-ref-14)
15. Kê khai tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam, được xác định theo công thức: [E] = [D] \* [E1]

    Trong đó, [E1] là tỷ giá dùng để quy đổi là tỷ giá trung bình tháng 12 năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế. [↑](#endnote-ref-15)
16. Kê khai số thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đã tạm nộp, được xác định theo công thức [G] = [G1] + [G2]. Trong đó:

    [G1]: Kê khai số TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải nộp kỳ này.

    [G2]: Kê khai số thuế TNDN bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đã tạm nộp vào ngân sách nhà nước tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. [↑](#endnote-ref-16)
17. Kê khai số thuế bổ sung còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

    + Trường hợp kê khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng Đồng tiền khai Tờ khai thông tin: [H] = [D] – [G];

    + Trường hợp kê khai Tờ khai Thông tin bằng Đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng Đồng Việt Nam: [H] = [E] – [G];

    **Ghi chú: Hướng dẫn khai phụ lục phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp kèm theo tờ khai thuế TNDN bổ sung áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn** [↑](#endnote-ref-17)
18. Ghi rõ tiêu thức phân bổ được sử dụng để phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định QDMTT cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam. [↑](#endnote-ref-18)
19. Khai tỷ lệ (%) phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định QDMTT cho từng đơn vị hợp thành tại Việt Nam [↑](#endnote-ref-19)
20. Khai số tiền thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định QDMTT cho từng đơn vị hợp thành tại Việt Nam. Số tiền thuế phân bổ được làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư. [↑](#endnote-ref-20)